

VĂN HÓA, VĂN MINH VÌ SỰ PHÁT TRIỂN
VÀ TIẾN BỘ XÃ HỘI

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC KX.06

**VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
VỚI XÃ HỘI VÀ CON NGƯỜI
TRONG SỰ PHÁT TRIỂN**

ĐỀ TÀI KX 06-09

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI
GIÁO SƯ TIẾN SĨ ĐÌNH QUANG

2875
11/11/96

Hà Nội * Tháng 11 năm 1994

LỜI NÓI ĐẦU

Tác dụng của Văn học Nghệ thuật đối với xã hội và con người không phải là một vấn đề mới mẻ. Từ khi Văn học Nghệ thuật ra đời, người ta đã luận bàn khá nhiều về nó. Tuy nhiên, không phải ai ai cũng đã đi sâu tìm hiểu một cách kỹ lưỡng, kể cả ở những người hữu trách, người hưởng thụ, cũng như ở một số người làm công việc sáng tạo. Bởi vì Văn học Nghệ thuật đã có từ lâu, đã trở thành quen thuộc và chính vì sự quen thuộc đó mà người ta thường lại ít chịu suy nghĩ chu đáo về nó.

• Tình hình thực tế gần đây là một biểu hiện cho thấy rõ, có nhiều vấn đề trong mối quan hệ này cần được làm sáng tỏ hơn, để Văn học Nghệ thuật có thể phát triển một cách lành mạnh và đúng hướng.

Hơn nữa, Văn học Nghệ thuật cũng là một thực thể như mọi thực thể khác luôn luôn vận động, mọi nhận thức về nó cũng không thể bất biến, bất chấp tình hình biến đổi ra sao.

- Để Văn học Nghệ thuật phát huy được tác dụng đúng với sứ mệnh của nó, cần có nhận thức đúng đắn ở cả hai phía: phía người chỉ đạo và quần chúng thụ hưởng, cũng như phía người sáng tạo. Không có nhận thức đúng ở cả hai phía, cơ chế tác động của Văn học Nghệ thuật tất yếu sẽ khép khiêng, kể nói và người nghe sẽ không tìm ra mảnh đất gặp gỡ cần thiết. Tuy vậy, phía người sáng tạo bao giờ cũng là quan trọng hơn, vì mối quan hệ sáng tạo và thụ cảm, dù có khăng khít tới đâu thì người sáng tạo vẫn giữ vai trò chủ thể.

Do đó, bên cạnh việc bàn về tác dụng và những yếu tố khách quan tạo cho Văn học Nghệ thuật phát huy được sức mạnh trong đời sống thực tiễn, chúng tôi sẽ đề cập nhiều hơn tới những vấn đề của bản thân Văn học Nghệ thuật. Nhưng vì bản thân Văn học Nghệ thuật bao hàm một phạm vi khá rộng lớn nên ở đây chúng tôi chỉ tập trung bàn tới những vấn đề, mà chủ quan chúng tôi cho là quan trọng hơn mà thôi, đó là:

- Bản chất của Văn học Nghệ thuật
- Văn học Nghệ thuật và bản sắc dân tộc

- Văn học Nghệ thuật với quy luật kế thừa - phát triển
- Văn học Nghệ thuật và khoa học hiện đại
- Văn học Nghệ thuật và sự xây dựng con người.

Trong khi đề cập tới các vấn đề trên, chúng tôi chỉ trình bày những nhận thức có tính khái quát chung của Văn học Nghệ thuật, mà không đi vào các khía cạnh riêng biệt của từng chuyên ngành. Việc làm đó sẽ vượt quá xa phạm vi của công trình này.

- Vì tiêu đề của công trình là "Văn Nghệ với xã hội và con người trong sự phát triển" nên trong khi đề cập tới các vấn đề trên, chúng tôi vừa xuất phát từ những nhận thức cơ bản, vừa liên hệ tới tình hình thực tế, đồng thời khơi gợi tới hướng phát triển trong tương lai. Chúng tôi muốn công trình vừa mang tính khoa học cơ bản, vừa có tính khoa học ứng dụng.

- Vì công trình này không nhằm vào các đối tượng nghiên cứu chuyên nghiệp, chủ yếu là nhằm giúp đỡ các nhà chỉ đạo hoạt động Văn học Nghệ thuật và những người trực tiếp sáng tạo, nên chúng tôi không chia thành những chương mục, điểm, tiết tỉ mỉ rạch ròi như những công trình khoa học thông thường. Tuy toàn bộ công trình thiên về tính lý luận, nhưng chúng tôi muốn người đọc cảm thấy nhẹ nhàng, dễ tiếp cận hơn.

- Tuy những vấn đề được đề cập trong công trình này rải rác đã được nhắc tới trong những tiểu luận, những phát biểu trên các báo chí-đâu đó, nhưng chúng tôi vẫn hy vọng, qua công trình này, bạn đọc cũng sẽ có dịp suy nghĩ lại một cách có hệ thống hơn, sâu hơn về những vấn đề cố hữu của Văn học Nghệ thuật, nhưng luôn luôn có một dáng vẻ mới theo nhịp bước của thời đại.

Đó là điều mong mỏi của chúng tôi trong việc thực hiện công trình này.

ĐÌNH QUANG

Chương I

**VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
VỚI SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI
VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI**

Chương một

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VỚI SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CON NGƯỜI

Từ lâu, loài người đã nhận thức được rằng : Văn hoá là bộ mặt tinh thần của xã hội, là tấm gương phản chiếu tâm hồn và hơi thở của một đất nước. Muốn tìm hiểu trình độ phát triển và bản sắc của một dân tộc, không có biện pháp nào hiệu nghiệm hơn là khảo sát bộ mặt văn hoá của dân tộc đó. Mấy thập kỷ gần đây, người ta lại nhận thức thêm rằng : Văn hoá không chỉ là kết quả hoạt động của xã hội, ngược lại, chính nó là động lực và mục tiêu của sự phát triển xã hội. Mọi kế hoạch phát triển, nếu muốn đạt kết quả một cách nhịp nhàng, phải xuất phát từ động cơ và cách nhìn văn hoá. Thực tế diễn biến của thế giới những năm qua đã chứng minh rõ rệt, những nước nào đặt kế hoạch phát triển mà không dựa trên nền tảng văn hoá đều đi đến thất bại. Trái lại, những nước thành công chính là vì biết dựa và xuất phát từ nền tảng, truyền thống văn hoá của mình, kết hợp khéo léo với khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm tiên tiến của thế giới.

Từ nhận thức đó, Liên Hiệp Quốc và tổ chức Unesco đã khởi xướng *"Thập Kỷ thế giới văn hoá vì sự phát triển"*

Nhưng văn hoá bao hàm một phạm vi rất rộng, gồm nhiều ngành và nhiều bộ môn. Vậy Văn học Nghệ thuật giữ vị trí nào trong cái phạm vi bao la rộng rãi ấy?

Nếu văn hoá nói chung là nền tảng tinh thần của xã hội, qua đó mà thấy được chiều cao và độ sâu, trình độ của một dân tộc, nếu văn hoá là sự kết tinh những giá trị theo khả năng tự nhận thức trong quan hệ của cá nhân với cộng đồng, con người với thiên nhiên thì Văn học Nghệ thuật lại là bộ phận trọng yếu của mọi nền văn hoá. Bởi vì hơn tất cả mọi lãnh vực, Văn học Nghệ thuật có khả năng bộc lộ sâu xa nhất, sinh động và tổng hợp nhất tâm hồn và những nỗi khát vọng, các giá trị về chân thiện mỹ của một xã hội.

Chính vì thế mà Gớt nhà đại văn hào Đức đã nói : "Mọi thứ trên đời đều sẽ băng hoại, chỉ có Văn học Nghệ thuật là vĩnh cửu mà thôi". Cũng vì thế mà chúng ta không ngạc nhiên khi nhìn lại trong lịch sử, cuộc đấu

tranh để gìn giữ hay phá hoại đời sống tinh thần, tình cảm của một cộng đồng nào đó, cũng thường diễn ra gay gắt ở địa hạt này. Chúng ta hiểu vì sao hàng năm, hầu hết các nước trên thế giới đã phải chi hàng tỉ để bảo vệ, trùng tu, phục chế các di tích, tái bản các sản phẩm văn hoá của cha ông mình. Vì sao nhà hát, thư viện, bảo tàng, nhà triển lãm... thường được coi là những biểu tượng của nền văn hoá.

Ở nước ta, cụ Nguyễn Trù xưa đã dày công tốn sức cạo quét những lớp rêu phong trên mỗi nét văn bia để tìm lại di sản đã bị thời gian phủ lấp. Trái lại, trong lịch sử nước ta, đã từng có kẻ xâm lược ra lệnh cho binh sĩ viễn chinh "phải đốt hết thầy mọi sách vở văn tự, cho đến những loại ca lý dân gian hay sách dạy trẻ nhỏ... một mảnh một chữ đều phải đốt... kể cả bia đá phải phá huỷ tất cả, một chữ chớ để còn".

Vị trí của Văn học Nghệ thuật quan trọng như thế, nhưng Văn học Nghệ thuật đóng góp được những gì cho *Sự phát triển xã hội*?

Trước hết cần xác định rõ : *Xã hội là gì?* Nếu không phải là Cộng đồng của những con người. Cho nên chúng ta đã nhìn nhận *Con người* là thành tố cấu thành xã hội, là vốn quý nhất, là động lực và mục đích của mọi kế hoạch phát triển, từ đó cần phải có *Chiến lược con người*.

Như vậy mối quan hệ của Văn học Nghệ thuật với xã hội phải bắt đầu từ mối quan hệ giữa nó và con người trước đã.

Từ cách nhìn văn hoá, trước hết, cần thấy rằng : Tuy con người làm ra văn hoá, nhưng ngược lại, chính nhờ có văn hoá mà *Con* mới thành *Người* với cái nghĩa chân chính của nó. Và nhờ có văn hoá mà Gorki mới có thể khẳng định "Người ! Cái từ ấy thật đáng tự hào !" Một nhà khoa học Mỹ quả cũng đã không sai, khi ông nói : "Người không đẻ ra người, đứa trẻ chỉ trở nên người trong quá trình giáo dục" nghĩa là, khi nó có văn hoá mà thôi. Nó có thể lớn dần về mặt thể xác nhờ sữa và bột, nhưng chỉ có thể có *Tính người* bắt đầu từ tiếng hát ru của mẹ, từ những chuyện cổ tích huyền thoại của bà ... Và rồi chúng ta có muốn định nghĩa là gì đi nữa, là động vật biết lao động, biết tư duy hay gì gì nữa thì định nghĩa *Người là động vật có tính xã hội* vẫn là định nghĩa quan trọng nhất. Bởi vì xã hội bao giờ cũng chỉ xuất hiện từ con số Hai mà đi. Và khi đã có số Hai thì tất yếu cũng xuất hiện *Mối quan hệ ứng xử* của con người với những đồng loại xung quanh.

Nếu chúng ta tiếp tục tìm hiểu cách ứng xử của con người, chúng ta sẽ thấy, mọi ứng xử của họ đều xuất phát từ một *Động cơ cụ thể* nhằm đạt tới một *Mục đích nhất định*, xuất phát từ một *Nguyên nhân quyền lợi* và tuân theo một *Định hướng giá trị*.

Chính thông qua những yếu tố ứng xử cùng với động cơ và mục đích của chúng, thông qua những yếu tố kể trên mà con người tự tạo dần *Nhân cách* cho mình, thông qua những định hướng giá trị mà con người bộc lộ tính cách xã hội của mình. Đồng thời cũng vì tiền đề của sự hình thành nhân cách chính là quá trình xác định động cơ, mục đích sống và tương ứng với chúng là quá trình phát triển những hành động của chủ thể nhân cách.

Động cơ và mục đích, quyền lợi và giá trị trong ứng xử của con người có thể được lý giải đúng hoặc sai, xử trí chính xác hoặc lầm lỗi, tốt lành hoặc xấu xa. Như thế, nếu chúng ta muốn kiến tạo một xã hội tiến bộ và lành mạnh, tất phải có sự giáo hoá.

Tất nhiên, không thể nghĩ giản đơn rằng : để giúp xác định nội dung và phương hướng cho cách ứng xử và sự hình thành nhân cách của con người, có thể chỉ dựa vào riêng Văn học Nghệ thuật. Ở đây, còn rất cần có tác động của nhiều ngành văn hoá theo nghĩa rộng như : triết học, luân lý, chính trị, khoa học... Nhưng không vì thế mà coi nhẹ hiệu quả đặc biệt của Văn học Nghệ thuật. Nhờ sự kết hợp giữa lý trí và tình cảm, giữa trí tuệ và cảm xúc, nhờ những hình tượng vừa cụ thể vừa khái quát, nhờ giá trị chân thiện mỹ... từ lâu Văn học Nghệ thuật đã được thừa nhận là một loại hình sắc bén nhất, với hiệu quả sâu xa và bền vững nhất trong việc hun đúc nhận thức và tình cảm của con người.

Có lẽ không cần phải nhắc lại ở đây những dẫn chứng về khả năng phản ánh khái quát và sinh động của Văn học Nghệ thuật về các hiện trạng của một thời đã làm nên nó. Mác đã từng so sánh những tác phẩm của Bangiắc với những sách nghiên cứu về giai cấp tư sản của thế kỷ XIX. Cũng không cần phải dẫn thêm những ví dụ về ảnh hưởng của Văn học Nghệ thuật đối với con người, với xã hội và với cả một thời đại, vì đã có quá nhiều trong các sách phê bình Văn học Nghệ thuật.

Mối quan hệ của Văn học Nghệ thuật với con người là một thực tế không thể phủ nhận. Nhưng tới đây, lại nảy sinh một khía cạnh cần lý giải. Đó là : quá trình hình thành nhân cách của con người bao giờ cũng lại mang đậm tính chất cá biệt, tính có một không hai. Nó diễn ra một cách hoàn toàn khác nhau, tùy vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể và tùy chỗ cá nhân đó thuộc môi trường xã hội nào.

Nhưng điều chúng ta mong muốn lại là dây mạnh sự phát triển của toàn xã hội chứ không chỉ riêng một ai. Dù cho vị trí của từng con người có quan trọng đến đâu, một mình nó cũng không làm nên xã hội. Do đó lại phải có một yếu tố cần thiết, đó là *sợi dây liên kết về mặt tinh thần* giữa mọi người trong cộng đồng. Một xã hội chỉ có thể ổn định và phát triển tốt khi có sự gắn bó của mọi người trong cùng một nhận thức, một chí hướng, một mục đích nào đó. Hiện tượng hỗn loạn, phân tán về mặt nhận thức là dấu hiệu của sự phân giải và suy yếu. Trạng thái cô đơn trong tâm tưởng nhiều người ở các nước phát triển chính là hậu quả của sự tuyệt đối hoá "cái cá nhân" và "cái tôi", coi nhẹ tinh liên kết cộng đồng. Nó hoàn toàn trái với bản chất tự nhiên của con người, vì tạo hoá đã định cho loài người sống rộng rãi theo những cộng đồng đông đảo nhất trong mọi loại động vật có vú trên trái đất.

Văn học Nghệ thuật, ngoài tác động đến từng con người riêng lẻ, cũng có thể đóng góp đặc lực vào việc tạo ra chất kết dính, sợi giây liên kết này. Nếu từng ngành khoa học cũng cố gắng cho sự hiểu biết chung của toàn xã hội, nhưng từng ngành khoa học thường cũng chỉ thu hút sự chú ý của một số người hữu quan nhất định. Ngược lại, Văn học Nghệ thuật lại là của chung mọi người một cách rộng rãi hơn. Một tác phẩm hay, dù nó phản ánh về diện sống nào, cũng không chỉ nhằm vào độc giả của diện sống đó mà thôi. Văn học Nghệ thuật khi đã khắc hoạ sâu tâm khảm con người thì thường đạt được tiếng vọng rộng rãi ở mọi người, dù họ thuộc diện sống nào và ở đâu trên trái đất này. Tính phổ biến của Văn học Nghệ thuật là một ưu thế đã được thừa nhận.

Ngoài ra, trong phạm vi Văn học Nghệ thuật, có những loại hình mà sự truyền đạt tới người thưởng thức thường mang tính tập thể như loại hình ca múa nhạc, sân khấu, thậm chí cả thơ ca và văn xuôi dưới hình thức ngâm nga và lắng tụng. Tính tập thể khi thưởng thức đã đem lại hiệu quả lan truyền và tăng cường độ lên rất cao, mà sự thưởng thức riêng lẻ không thể nào so sánh kịp. Lịch sử nghệ thuật đã từng ghi nhận nhiều buổi trình diễn biến thành những cuộc mít tinh diễu hành quần chúng, do bị tác động của những vở diễn gây nên.

Thời cổ đại Hy Lạp, Pêriclét đã cấp lương ăn cho toàn dân thành Aten đi xem hội diễn kịch, Loui XIV đã ưu ái đoàn kịch của Molière, Tự Đức đã uỷ thác cho Đào Tấn chinh biên các pho tuồng kinh... hẳn vì ngoài sự thiên ái cá nhân, còn vì thấy rõ sức mạnh cảm hoá của nghệ thuật đối với xã hội nhân quần.

Đặc trưng của thời đại chúng ta là *thời đại của trí tuệ*, của sự hiểu biết. Các ngành khoa học đã đóng góp rất lớn vào đặc trưng này. Nhờ hiểu biết loài người mới gia tăng được hiệu suất (productivité) xã hội của mình, và vì có hiệu suất cao, giá trị con người mới được nâng lên, niềm vui thật sự mới từ đó mà có. Nhưng theo Xukholomxki : "Hiểu biết có nghĩa là biết sử dụng những trí thức" Như vậy từ trí thức tới hiểu biết phải trải qua một chiếc cầu nối; đó là sự thực hiện, là hành động thực tiễn.

Nếu khoa học, kể cả khoa học nhân văn, đem lại cho ta nhận thức, nhưng nhận thức đó không được áp dụng thì chỉ tạo ra một nỗi khổ mà nhà viết kịch Gribôiêdốp của nước Nga đã gọi là : "Nỗi khổ của trí tuệ" mà thôi !

Hành động đòi hỏi phải có ý chí và cùng với nó là khát vọng đạt tới hiệu quả. Văn học Nghệ thuật với nhận thức khách quan cộng với sức thôi thúc của tình cảm sẽ góp phần tạo ra chiếc cầu nối từ nhận thức tới hành động. Nói một cách hình tượng : khoa học đem lại một bó thuốc nhận thức và Văn học Nghệ thuật châm lửa nhiệt tình vào bó thuốc đó.

Mặt khác ta cũng cần thấy : nếu khoa học, trí tuệ đem lại sức mạnh và sự nhảy vọt cho thời đại chúng ta thì sự cường điệu, quá tôn thờ tu tưởng lô gích, tri giác suy lý... đòi hỏi mọi thẩm định ở đời này đều phải được chúng giải đầy đủ mới được coi là xác đáng, cũng sẽ là một điều bất lợi cho tư duy nhận thức. Bởi vì quá trình nhận thức không chỉ có *trí tuệ* mà còn có *xúc cảm*, không chỉ có *lô gích hình thức* mà còn có *trực giác* nữa.

Nếu ở đa số các ngành khoa học *thẩm định suy lý, chúng giải lô gích* là quan trọng thì hình như ở các lĩnh vực thẩm mỹ, đạo lý, xã hội, tôn giáo... lại không thể xem thường những *thẩm định trực giác* được.

Trong việc trí não cấu thành các quan niệm, có những chân lý mà trí năng chấp nhận không phải bằng chúng giải, mà bằng tri giác trực tiếp cái nội dung có thể nắm hiểu được thứ chân lý này, tiếp đó, có thể gián tiếp hoá bằng con đường lô gích, và thẩm định trực giác trở nên trực giác ứ lượng, nhưng nó cũng có thể không bao giờ trở nên trực giác ứ lượng và không đòi hỏi chúng giải, bởi không sao chúng giải được.

Chỉ cần nhìn ngắm những bức tượng bằng đá thể hiện một thiếu nữ với những đường nét cực kỳ mềm mại, xem một vở tuồng với bao ước lệ và cách điệu, đọc một bài thơ với cấu trúc leo thang, một bức sơn mài với cả một nền trời đỏ như son... nếu chỉ dựa vào suy lý lô gích thì còn làm sao có nổi một sự thẩm định về cái đẹp !

Mấy ví dụ trên mới chỉ là về chất liệu, thủ pháp, cấu trúc và màu sắc. Khi nhận xét về nội dung nghệ thuật thì sự đòi hỏi về thẩm định tổng hợp trực giác lại càng cần thiết hơn nữa.

Tư duy Văn học Nghệ thuật là sự đan xen chằng chịt giữa suy diễn lô gích và thẩm định tổng hợp trực giác dựa trên sự nắm bắt các tính chất, các mối quan hệ, các gián tiếp hoá của những hiện tượng và sự kiện có sức khơi gợi nhiều liên tưởng... đôi khi dẫn đến một trạng thái bùng sáng, một cảm nhận đột ngột... Tính thích đáng của những thẩm định là tượng đối. Nó tùy thuộc vào trình độ nhiều mặt của nhà nghệ thuật, cũng như cả ở người thưởng thức.

Như vậy, có thể nói : Thẩm định trực giác - không thể thiếu vắng trong hoạt động Văn học Nghệ thuật - với hai tính chất cơ bản, sự kết nối giữa trí tuệ và xúc cảm, sự tổng hợp cả một tổng thể gồm vô số nhân tố, thành tố, là một sự bổ xung, lấy lại cân bằng cho tư duy suy lý của con người. Cũng do nó có khả năng khơi gợi kích thích toàn bộ năng lực trí tuệ và xúc cảm, đưa con người vào một trạng thái này sinh thức giác toàn vẹn, nên nó cũng có khả năng dẫn đến một *sự cảm hứng* cả ở người sáng tạo lẫn người thưởng thức. Chính thẩm định trực giác cũng thường dẫn chúng ta tới một khả năng mà lâu nay chúng ta hay nhắc đến. Đó là *khả năng dự báo*, do tính mẫn cảm, do cách nhìn luôn luôn tổng hợp giữa khoa học tự nhiên, và xã hội, giữa đời sống vật chất và tinh thần, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người và thiên nhiên, theo chiều dọc và chiều ngang lịch sử... đem lại.

Nhà vật lý Ogiêni Phainôbéc cho rằng, trong cuộc sống có nhiều *yếu tố bản thể* và *yếu tố lô gích*. Yếu tố lô gích chỉ giúp hiểu được một phần nhỏ của yếu tố bản thể. Nghệ thuật phải đóng góp vào chỗ thiếu hụt đó bằng trực giác mẫn cảm của mình. Con người không thể nhận thức thế giới khách quan - cả vật chất lẫn tinh thần - nếu không đi hai con đường chủ yếu đến nhận thức chân lý : đó là con đường trực giác và con đường duy lý... Văn học Nghệ thuật đã đóng vai trò đó suốt chiều dài lịch sử nhân loại. Trong thời cổ đại, khoa học suy lý chưa phát triển, nghệ thuật đã đưa ra những thức giác đích thực, sau này trở thành đối tượng của khoa học và để khoa học góp phần làm sáng tỏ... Ngày nay, máy tính đã gánh một phần lớn cho suy lý lô gích, nhưng còn trực giác thì sao ? ! Và ông cho rằng, cách mạng khoa học kỹ thuật đã được đề cao quá mức, thì Văn học Nghệ thuật lại càng cần thiết cho nhân loại.